TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 47/2019/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lò Văn Q, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản H, xã H1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Lò Thị V, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản H, xã H1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lò Văn Q và chị Lò Thị V.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Anh Lò Văn Q và chị Lò Thị V nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Anh Q, chị V có 03 người con chung là cháu Lò Thị L, sinh ngày 18/10/2009; cháu Lò T, sinh ngày 12/11/2011 và Lò Thị C, sinh ngày 29/10/2015. Giao cháu T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu L và cháu C cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục

đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, hai bên được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản hai bên thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh Q, chị V không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

d. Về án phí: Anh Q chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002194 ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Anh Q được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Dong;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Kiều Anh